

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2017/DS-PT

Ngày: 24-08-2017

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Lang;

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Kim Thư;

Ông Huỳnh Nguyên;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Trung – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 08 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh KonTum xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2017/TLPT-DS ngày 19 tháng 06 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2017/DS-ST ngày 12 tháng 05 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kon Tum bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 622/QĐ-PT ngày 10 tháng 07 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Trụ sở tại: Đường A, phường B, quận C, thành phố H.

Do ông K – Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng thương mại cổ phần S, ủy quyền cho ông P – Giám đốc Chi nhánh K – Ngân hàng thương mại cổ phần S (Địa chỉ: Đường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum). (Theo văn bản ủy quyền số 33/2017/GUQ-PL&TT ngày 03/01/2017)

Ông P ủy quyền cho Ông T – Phó Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần S - chi nhánh K (*được ủy quyền theo văn bản ủy quyền số 155/2017/GUQ-CNKT ngày 11/08/2017*) (*Có mặt*).

Địa chỉ: Đường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

- *Bị đơn*: Bà B và ông V.

Cùng trú tại: Thôn 1, xã S, huyện T, tỉnh Kon Tum. (*Vắng mặt*)

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Chị H.

Địa chỉ: Thôn 1, xã S, huyện T, tỉnh Kon Tum. (*Vắng mặt*)

- *Viện kiểm sát kháng nghị*: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S trình bày: Trong đơn khởi kiện về tranh chấp “*Hợp đồng tín dụng*” đề ngày 29/11/2016 của Ngân hàng thương mại cổ phần S đối với vợ chồng ông V và bà B, thì ngày 27/10/2015 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S – chi nhánh K – Phòng Giao dịch DB với vợ chồng ông V và bà B đã ký hợp đồng tín dụng số LD 1530000216, theo đó vợ chồng ông V và bà B đã vay của Ngân hàng thương mại cổ phần S - chi nhánh K – Phòng Giao dịch DB số tiền là 300.000.000 đồng được thể hiện bởi giấy nhận nợ ngày 02/11/2015 có chữ ký xác nhận của vợ chồng ông V và bà B.

Căn cứ theo hợp đồng tín dụng số LD 1530000216 ngày 27/10/2015 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S – chi nhánh K – Phòng Giao dịch DB với vợ chồng ông V và bà B, thì lãi suất: 12%/năm (tương đương 1%/tháng); Thời hạn vay: 12 tháng; Thời điểm trả hết nợ ngày 27/10/2016. Hình thức bảo đảm nợ vay: Thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

Đã quá thời hạn trả tiền vay, mặc dù Ngân hàng thương mại cổ phần S đã nhiều lần cử nhân viên tín dụng xuống làm việc trực tiếp tại nhà, đôn đốc, cũng như tạo điều kiện thuận lợi để vợ chồng ông V và bà B trả số tiền vay và tiền lãi suất theo quy định của Hợp đồng tín dụng. Tuy nhiên vợ chồng ông V và bà B vẫn cố tình trì hoãn và bất hợp tác với Ngân hàng thương mại cổ phần S trong việc trả số tiền vay và tiền lãi suất theo quy định của Hợp đồng tín dụng nêu trên. Sau khi vay tiền vợ chồng ông V và bà B thanh toán được 06 tháng tiền lãi vay: Tổng số tiền lãi đã đóng là 17.700.000 đồng.

Theo quy định của ngành Ngân hàng khi khách hàng vay với số tiền lớn thì phải có tài sản thế chấp đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ khi đến hạn, chính vì lẽ đó khi ký hợp đồng tín dụng nêu trên, thì ngày 27/10/2015 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S với vợ chồng ông V và bà B đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số: 277/2015/HĐTC/PGDHB, theo đó vợ chồng ông V và bà B đã thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài

sản khác gắn liền với đất số BN 361876 mang tên hộ ông V và bà B do UBND Huyện T cấp ngày 16/7/2015, cụ thể tài sản thế chấp gồm: 01 thửa đất số 97A, thuộc tờ bản đồ số 09, vị trí thửa đất tại Thôn 1, xã S, Huyện T, tỉnh K, diện tích đất là 533m² và 01 căn nhà cấp 4, diện tích 75m², kết cấu mái lợp tôn, tường xây gạch, nền gạch men ở tại thửa đất số 97A nêu trên, đã được UBND Huyện T chứng nhận quyền sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 361876 mang tên hộ ông V và bà B đề ngày 16/07/2015.

Ngân hàng thương mại cổ phần S yêu cầu vợ chồng ông V và bà B phải trả tổng số tiền tính đến ngày xét xử: 339.561.000 đồng (trong đó tiền nợ khi vay 300.000.000 đồng; lãi suất trong hạn: 12.261.000 đồng; lãi suất quá hạn và lãi phạt: 27.300.000 đồng) và số tiền lãi suất phát sinh kể từ thời điểm sau ngày xét xử cho đến khi thi hành xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần S, theo quy định của Hợp đồng tín dụng đã được ký giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S với vợ chồng ông V và bà B. Đồng thời, yêu cầu Tòa án xử lý tuyên bán đấu giá toàn bộ tài sản mà vợ chồng ông V và bà B đã thế chấp cho Ngân hàng để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần S. Số tiền bán đấu giá toàn bộ tài sản nêu trên được trừ vào số tiền mà vợ chồng ông V và bà B phải trả cho Ngân hàng. Trường hợp số tiền bán đấu giá toàn bộ tài sản không đủ để trả nợ, thì vợ chồng ông V và bà B phải trả đủ số tiền nêu trên cho Ngân hàng. Trường hợp số tiền bán đấu giá toàn bộ tài sản nhiều hơn số tiền mà vợ chồng ông V và bà B phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S thì vợ chồng ông V và bà B được nhận số tiền còn dư đó.

Bị đơn: Vợ chồng ông V và bà B, sau khi Tòa án thụ lý vụ án và tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho vợ chồng ông V và bà B. Nhưng, vợ chồng ông V và bà B đã bỏ nơi cư trú đi đâu không rõ, trước khi vợ chồng ông V và bà B bỏ đi không trình báo cho Công an xã là đi đâu, nên hiện nay không biết địa chỉ của vợ chồng ông V và bà B ở đâu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị H, sau khi Tòa án thụ lý vụ án và tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho chị H, Nhưng chị H đã bỏ nơi cư trú đi đâu không rõ.

Với những nội dung trên tại bản án số 01/2017/DS-ST ngày 12/05/2017, Hội đồng xét xử sơ thẩm Tòa án nhân dân Huyện T, tỉnh Kon Tum đã quyết định:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 121; 122; 123; 290; 336; 342; 343; 355 và Điều 388 của Bộ luật dân sự 2005.

Chấp nhận đơn khởi kiện về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” của Ngân hàng Thương mại cổ phần S đối với vợ chồng ông V và bà B đề ngày 29-11-2016.

Xử: Tuyên buộc vợ chồng ông V và bà B phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S. tổng số tiền là: 339.561.000 đồng (trong đó nợ tiền khi vay là 300.000.000 đồng; số tiền lãi trong hạn là: 12.261.000 đồng và số tiền lãi quá hạn và lãi phạt là: 27.300.000 đồng) tính đến ngày xét xử sơ thẩm và số tiền lãi phát sinh kể từ sau ngày xét xử cho đến khi thi hành án xong theo hợp đồng tín dụng số LD 1530000216 ngày 27/10/2015 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S với vợ chồng ông V và bà B.

Chỉ định Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại – Dịch vụ và đấu giá GL (Địa chỉ: đường U, thành phố K, tỉnh Kon Tum) thực hiện việc bán đấu giá toàn bộ tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 277/2015/HĐTC/PGDHB ngày 27/10/2015 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S với vợ chồng ông V và bà B, để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần S gồm:

* Toàn bộ diện tích đất 533m² thuộc thửa đất số 97A, tờ bản đồ số 09, vị trí đất tại Thôn 1, xã S, Huyện T, tỉnh K theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 361876 mang tên hộ ông V và bà B đề ngày 16/7/2015.

* Căn nhà cấp 4. Diện tích xây dựng 75m² tại thửa đất số 97A nêu trên, kết cấu mái lợp tôn, tường xây gạch, nền gạch men, vị trí nhà ở tại Thôn 1, xã S, Huyện T, tỉnh K theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 361876 mang tên hộ ông V và bà B đề ngày 16/7/2015.

Số tiền bán đấu giá toàn bộ tài sản nêu trên được trừ vào số tiền mà vợ chồng ông V và bà B phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S là: 339.561.000 đồng (trong đó nợ tiền khi vay là 300.000.000 đồng; số tiền lãi trong hạn là: 12.261.000 đồng và số tiền lãi quá hạn và lãi phạt là: 27.300.000 đồng) và số tiền lãi phát sinh kể từ sau ngày xét xử cho đến khi thi hành xong việc bán đấu giá tài sản theo hợp đồng tín dụng số LD 1530000216 ngày 27/10/2015 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S với vợ chồng ông V và bà B. Trường hợp số tiền bán đấu giá toàn bộ tài sản không đủ để trả nợ, thì vợ chồng ông V và bà B phải trả đủ số tiền nêu trên cho Ngân hàng. Trường hợp số tiền bán đấu giá toàn bộ tài sản nhiều hơn số tiền mà vợ chồng ông V và bà B phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S thì vợ chồng ông V và bà B được nhận số tiền còn dư đó.

Căn cứ khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án, nếu vợ chồng ông V và bà B không trả số tiền nêu trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần S, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy

định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và tuyên quyền kháng cáo của đương sự nhưng không bị kháng nghị.

** Ngày 08/06/2017, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm số 01/2017/DS-ST ngày 12/05/2017 của Tòa án nhân dân Huyện T đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xét xử phúc thẩm theo hướng hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 01/2017/DS-ST ngày 12/05/2017 của Tòa án nhân dân Huyện T và chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân Huyện T giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum rút một phần kháng nghị số 117/QĐ-KNPTDS ngày 08 tháng 06 năm 2017 về nội dung: Cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong việc ủy quyền tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 89 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm b khoản 3 Điều 140 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ xét xử về những nội dung này.

Tại phiên tòa phúc thẩm Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút đơn khởi kiện. Theo quy định tại Điều 299 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì việc rút đơn của nguyên đơn phải được sự đồng ý của bị đơn nhưng tại phiên tòa bị đơn vắng mặt không có lý do nên HĐXX quyết định tiếp tục xét xử vụ án.

Đối với bị đơn ông V và bà B, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị H Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành lập biên bản về việc không tổng đạt được và tiến hành các thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án theo đúng quy định của pháp luật nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông V và bà B, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị H vẫn vắng mặt không có lý do, nên căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[1] Vào ngày 27/10/2015 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S với vợ chồng ông V và bà B đã ký Hợp đồng tín dụng số LD 1530000216, theo đó vợ chồng ông V và bà B đã vay của Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 300.000.000 đồng được thể hiện bởi giấy nhận nợ ngày 02/11/2015 có chữ ký xác nhận của vợ chồng ông V và bà B. Tài sản thế chấp đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ khi đến hạn đó là: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 361876 mang tên hộ ông V và bà B do UBND Huyện T cấp ngày 16/7/2015, cụ thể tài sản thế chấp gồm: 01 thửa đất số 97A, thuộc tờ bản đồ số 09, vị trí thửa đất tại Thôn 1, xã S, Huyện T, tỉnh K, diện tích đất là 533m² và 01 căn nhà cấp 4, diện tích 75m², kết cấu mái lợp tôn, tường xây gạch, nền gạch men ở tại thửa đất số 97A nêu trên.

Đã quá thời hạn trả tiền vay, vợ chồng ông V và bà B vẫn cố tình trì hoãn việc trả số tiền vay và tiền lãi suất theo quy định của Hợp đồng tín dụng nêu trên. Vào ngày 29/11/2016 Ngân hàng thương mại cổ phần S đã khởi kiện vợ chồng ông V và bà B tới Tòa án nhân dân Huyện T. Do đó, Tòa án nhân dân Huyện T đã thụ lý, xác định quan hệ pháp luật về tranh chấp “*Hợp đồng tín dụng*” và giải quyết vụ án là hoàn toàn có cơ sở và đúng pháp luật.

[2] *Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum thấy rằng:*

[2.1] - Đối với kháng nghị về việc cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ; vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng trong việc cấp, tổng đạt, thông báo trực tiếp cho bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại “*Biên bản xác minh về người*” ngày 12/12/2016 (bút lục 40) của Công an xã SS (có sự tham gia của cán bộ Ngân hàng bà T – Trưởng phòng giao dịch DB) do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án thì nội dung biên bản chỉ thể hiện: “*Bà B và ông V có hộ khẩu thường trú tại Thôn 1, xã S, Huyện T, tỉnh K. Hiện gia đình bà B đã rời khỏi địa phương từ ngày 08/12/2015*”. Thế nhưng theo các Biên bản làm việc giữa Ngân hàng với bà B, ông V: các ngày 03/6/2016, ngày 08/7/2016, ngày 10/8/2016 (bút lục 13, 14, 15) đại diện Ngân hàng là bà D vẫn tiến hành làm việc với bà B tại Thôn 1, xã S, Huyện T, tỉnh K (tất cả các biên bản trên đều do Nguyên đơn cung cấp). Việc xác minh này do Ngân hàng thực hiện và có sự mâu thuẫn về nơi cư trú của các đương sự nhưng người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần S cũng không có ý kiến về nội dung này. Tại thời điểm cấp sơ thẩm ra Thông báo thụ lý vụ án ngày 30/11/2016 bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có mặt tại địa phương và cũng không để lại địa chỉ nhưng cấp sơ thẩm chưa tiến hành lập biên bản về việc không tổng đạt được có xác nhận của công an xã hoặc thôn trưởng nơi các đương sự cư trú mà đã tiến hành các thủ tục niêm yết như vậy là có phần thiếu sót. Do đó, cần chấp nhận kháng nghị về nội dung này.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum kháng nghị cho rằng: Theo quy định tại khoản 1 Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định: *“Việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng được thực hiện khi pháp luật có quy định hoặc có căn cứ xác định là việc niêm yết công khai không bảo đảm cho người được cấp, tổng đạt, thông báo nhận được thông tin về văn bản cần được cấp, tổng đạt, thông báo”*. Việc Tòa án nhân dân Huyện T tiến hành giải quyết vụ án khi không bảo đảm tính hợp lệ của việc cấp, tổng đạt hoặc thông báo văn bản tố tụng là vi phạm nghiêm trọng các quy định tại các Điều 174, Điều 177, Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Xét thấy: Theo quy định tại khoản 5 Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự:

*“...5...Trường hợp người được cấp, tổng đạt, thông báo vắng mặt ở nơi cư trú mà không rõ thời điểm trở về hoặc không rõ địa chỉ nơi cư trú mới của họ thì người thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo phải lập biên bản về việc không thực hiện được việc cấp, tổng đạt, thông báo, có xác nhận của đại diện tổ dân phố hoặc Công an xã, phường, thị trấn; đồng thời, **thực hiện thủ tục niêm yết công khai văn bản cần tổng đạt theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật này**. Biên bản phải được lưu trong hồ sơ vụ án”*.

Như vậy, theo quy định tại khoản 5 Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự thì chỉ cần lập biên bản về việc không tổng đạt được có xác nhận của công an xã hoặc thôn trưởng và tiến hành thủ tục niêm yết là đúng quy định của pháp luật mà không cần phải thực hiện theo quy định tại 1 Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Do đó, không chấp nhận kháng nghị về nội dung này.

[2.2] - Đối với kháng nghị về việc cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong việc ủy quyền tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 89 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm b khoản 3 Điều 140 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum đã rút nội dung kháng nghị này nhưng Hội đồng xét xử xét thấy: Tại cấp phúc thẩm, các văn bản ủy quyền tham gia tố tụng tiếp theo của Ngân hàng thương mại cổ phần S đã được bổ sung đầy đủ, hơn nữa những người được ủy quyền cũng không có ý kiến gì về việc tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm mà không được ủy quyền, quyền lợi của Ngân hàng thương mại cổ phần S vẫn được đảm bảo. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum rút kháng nghị về nội dung này là phù hợp.

[2.3] - Đối với kháng nghị về Quyết định của Bản án sơ thẩm có nhiều mâu thuẫn, không đảm bảo việc thi hành bản án trên thực tế Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo khoản 1 Điều 6 Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số: 277/2015/HĐTC/PGDHB ngày 27/10/2015 thì hai bên đã tự nguyện thỏa thuận việc Ngân hàng thương mại cổ phần S được toàn quyền xử lý tài sản bảo đảm mà không phụ thuộc vào ý chí của bên thế chấp trong trường hợp bên được

cấp tín dụng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ các nghĩa vụ trong hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng số LD 1530000216 ngày 27/10/2015 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S với vợ chồng ông V và bà B, ông V và bà B không thanh toán lãi vay đúng hạn. Đến thời điểm trả hết nợ theo hợp đồng ngày 27/10/2016, bà B và ông V không trả nợ vay cho Ngân hàng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Luật Thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2014 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của của cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện là trực tiếp tổ chức thi hành các bản án, quyết định sơ thẩm. Tại phiên tòa bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có mặt nhưng Bản án sơ thẩm đã tuyên: chỉ định Công ty TNHH TM DV GLKT thực hiện việc bán đấu giá tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thuộc quyền sở hữu của ông V, bà B và chị H là không đúng theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, căn cứ án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm nhưng cấp sơ thẩm lại tuyên về lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 là không đúng và có sự mâu thuẫn. Do đó, cần chấp nhận kháng nghị về nội dung này.

Mặc dù, cấp sơ thẩm có nhiều sai sót trong quá trình giải quyết vụ án nhưng những sai sót này tại cấp phúc thẩm đã được khắc phục và cũng không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các bên đương sự.

[3] Từ những phân tích nêu trên chấp nhận 1 phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum sửa một phần bản án sơ thẩm số 01/2017/DS-ST ngày 12/05/2017 của Tòa án nhân dân Huyện T, tỉnh Kon Tum.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Đình chỉ xét xử phần kháng nghị của VKSND tỉnh Kon Tum về nội dung: Cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong việc ủy quyền tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 89 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm b khoản 3 Điều 140 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum sửa một phần bản án sơ thẩm số 01/2017/DS-ST ngày 12/05/2017 của Tòa án nhân dân Huyện T, tỉnh Kon Tum.

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 121; 122; 123; 290; 336; 342; 343; 355 và Điều 388 của Bộ luật dân sự 2005.

Chấp nhận đơn khởi kiện về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” của Ngân hàng thương mại cổ phần S đối với vợ chồng ông V và bà B đề ngày 29-11-2016.

Xử: Tuyên buộc vợ chồng ông V và bà B phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S tổng số tiền là: 339.561.000 đồng (trong đó nợ tiền khi vay là 300.000.000 đồng; số tiền lãi trong hạn là: 12.261.000 đồng và số tiền lãi quá hạn và lãi phạt là: 27.300.000 đồng) tính đến ngày xét xử sơ thẩm và số tiền lãi phát sinh kể từ sau ngày xét xử cho đến khi thi hành án xong theo hợp đồng tín dụng số LD 1530000216 ngày 27/10/2015 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S với vợ chồng ông V và bà B.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà vợ chồng ông V và bà B không trả đúng hoặc không trả đủ số tiền nợ nêu trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần S thì tài sản bảo đảm là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 361876 mang tên hộ ông V và bà B do UBND Huyện T cấp ngày 16/7/2015, cụ thể tài sản thế chấp gồm: 01 thửa đất số 97A, thuộc tờ bản đồ số 09, vị trí thửa đất tại Thôn 1, xã S, Huyện T, tỉnh K, diện tích đất là 533m² và 01 căn nhà cấp 4, diện tích 75m², kết cấu mái lợp tôn, tường xây gạch, nền gạch men ở tại thửa đất số 97A nêu trên, sẽ được phát mãi để thu hồi toàn bộ số tiền nợ nói trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần S.

“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay”.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh KT;
- TAND Huyện T;
- CC THADS Huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Lang

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA

Đỗ Thị Kim Thư

Huỳnh Nguyên

Lê Văn Lang

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA

Đỗ Thị Kim Thư

Trần Năm

Lê Văn Lang

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA

Nguyễn Minh Thành

Huỳnh Nguyên

Lê Văn Lang